

PHIẾU ĐÁNH GIÁ BÀI GIẢNG LÝ THUYẾT

Họ và tên giáo viên:.....

Tên bài giảng:.....

Thời gian: Bắt đầu Kết thúc.....

Họ và tên GV dự giờ:..... Bộ môn.....

TT	Nội dung đánh giá	Điểm chuẩn	Điểm đánh giá
I	Chuẩn bị bài giảng	3.0	
1	Chuẩn bị hồ sơ bài giảng đủ và đúng theo quy định.	0.5	
2	Xác định đúng và đủ mục tiêu của bài.	1.0	
3	Giáo án thể hiện đầy đủ các bước lên lớp; dự kiến các hoạt động của người dạy, người học và phân bố thời gian cho các nội dung phù hợp.	1.0	
4	Chuẩn bị thiết bị, dụng cụ, đồ dùng dạy học phù hợp với nội dung bài giảng.	0.5	
II	Năng lực sư phạm	8.0	
1	Trang phục phù hợp; Phong thái tự tin, diễn đạt rõ ràng, dễ hiểu.	1.0	
2	Bao quát được lớp học.	0.5	
3	Đặt vấn đề, chuyên tiếp vấn đề phù hợp, sinh động, nêu rõ mục tiêu của bài giảng.	0.5	
4	Sử dụng phương tiện dạy học phù hợp với phương pháp dạy học, giúp người học tiếp thu được bài.	3.0	
5	Xử lý tốt các tình huống sư phạm.	0.5	
6	Phát huy tính tích cực, chủ động của người học;	1.0	
7	Kết hợp việc dạy học với thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện.	1.0	
8	Thực hiện đúng, đủ các bước lên lớp theo giáo án.	0.5	
III	Năng lực chuyên môn	6.0	
1	Lựa chọn được khối lượng kiến thức phù hợp với mục tiêu của bài giảng và đối tượng người học,	1.5	
2	Nội dung kiến thức chuyên môn chính xác, có cập nhật, bổ sung kiến thức mới, thực tiễn nghề nghiệp	3.0	
3	Cấu trúc bài giảng logic, phù hợp;	1.5	
IV	Đánh giá kết quả của người học	2.0	
1	Xây dựng được tiêu chí đánh giá kết quả đạt được của người học rõ ràng, đầy đủ	0.5	
2	Chuẩn bị được phương tiện, công cụ đánh giá (phiếu giao bài tập, phiếu đánh giá, bảng biểu...) phù hợp	0.5	
3	Lựa chọn được phương pháp đánh giá phù hợp tin cậy	0.5	
4	Thông báo rõ ràng và chính xác kết quả đánh giá cho người học	0.5	
VI	Thời gian thực hiện bài giảng	1.0	
1	Sớm, muộn ≤ 1 phút	1.0	
2	Sớm, muộn từ >1 đến ≤ 3 phút	0.5	
3	Sớm, muộn từ >3 đến ≤ 5 phút	0.0	
4	Sớm, muộn > 5 phút: bài giảng không xếp loại		
	Tổng số điểm chuẩn	20	
	Tổng số điểm đánh giá (Bằng chữ):		

Ngày tháng năm 2020
GIÁO VIÊN DỰ GIỜ

THEO DÕI THỰC HIỆN BÀI GIẢNG

NỘI DUNG	NHẬN XÉT

NHẬN XÉT CHUNG:

.....

.....

.....

.....

.....

XẾP LOẠI:

Xếp loại giỏi: Điểm bài thi đạt từ 16 đến dưới 18 điểm.

Xếp loại xuất sắc: Điểm bài thi đạt ≥ 18 điểm.

PHIẾU ĐÁNH GIÁ BÀI GIẢNG THỰC HÀNH
(Phần hướng dẫn ban đầu)

Họ và tên nhà giáo:.....
 Tên bài giảng:.....
 Thời gian: Bắt đầu Kết thúc.....
 Họ và tên GV dự giờ:..... Bộ môn.....

TT	Nội dung đánh giá	Điểm chuẩn	Điểm đánh giá
I	Chuẩn bị bài giảng	3.0	
1	Chuẩn bị được hồ sơ bài giảng đủ và đúng theo quy định.	0.5	
2	Xác định đúng và đủ mục tiêu của bài giảng.	1.0	
3	Giáo án thể hiện đủ các bước lên lớp, có dự kiến các hoạt động của người dạy, người học và phân bố thời gian cho từng nội dung hợp lý.	1.0	
4	Chuẩn bị thiết bị, dụng cụ, vật tư, nguyên, nhiên, vật liệu tiêu hao, đồ dùng dạy học phù hợp với nội dung bài giảng; có phiếu hướng dẫn luyện tập hợp lý, đảm bảo hình thành kỹ năng cho người học	0.5	
II	Năng lực sư phạm	8.0	
1	Trang phục phù hợp; Phong thái tự tin; diễn đạt rõ ràng, dễ hiểu.	1.0	
2	Bao quát được lớp học.	0.5	
3	Đặt vấn đề, chuyên tiếp vấn đề hợp lý, sinh động, nêu bật được trọng tâm của bài giảng.	0.5	
4	Sử dụng phương tiện dạy học phù hợp với phương pháp dạy học, giúp người học tiếp thu được bài.	1.0	
5	Lựa chọn đúng các bước, các thao tác cần làm mẫu.	1.0	
6	Xử lý tốt các tình huống sư phạm.	0.5	
7	Phát huy tính tích cực, chủ động của người học.	1.0	
8	Tổ chức tốt quá trình hướng dẫn.	1.0	
9	Kết hợp hướng dẫn thực hành với giáo dục phẩm chất, tác phong nghề nghiệp cho người học.	1.0	
10	Thực hiện đúng, đủ các bước hướng dẫn theo giáo án.	0.5	
III	Năng lực chuyên môn	8.0	
1	Lựa chọn được khối lượng kỹ năng kỹ năng phù hợp với mục tiêu của bài giảng và đối tượng người học.	2.0	
2	Trình tự các bước thực hành đảm bảo tính lôgic, khoa học, sát với thực tế nghề nghiệp.	2.0	
3	Thao tác mẫu thuần thục, chuẩn xác; sản phẩm đạt yêu cầu.	2.0	
4	Phân tích được các sai hỏng thường gặp, biện pháp xử lý và phòng tránh.	1.0	
5	Đảm bảo an toàn cho người và thiết bị. <i>(Nếu xảy ra mất an toàn, tai nạn cho người và làm hư hỏng thiết bị: Không đánh giá xếp loại bài giảng).</i>	0.5	
6	Thực hiện tốt vệ sinh lao động.	0.5	
VI	Thời gian	1.0	
1	Sớm, muộn ≤ 1 phút	1.0	
2	Sớm, muộn từ >1 đến ≤ 3 phút	0.5	
3	Sớm, muộn từ >3 đến ≤ 5 phút	0.0	
4	Sớm, muộn > 5 phút bài giảng không xếp loại		
	Tổng số điểm chuẩn	20	
	Tổng số điểm đánh giá (Bằng chữ)		

Ngày tháng năm 2020
GIÁO VIÊN DỰ GIỜ

THEO DÕI THỰC HIỆN BÀI GIẢNG

NỘI DUNG	NHẬN XÉT

NHẬN XÉT CHUNG:

.....

.....

.....

.....

.....

XẾP LOẠI:

Xếp loại giỏi: Điểm bài thi đạt từ 16 đến dưới 18 điểm.

Xếp loại xuất sắc: Điểm bài thi đạt ≥ 18 điểm.

PHIẾU ĐÁNH GIÁ BÀI GIẢNG TÍCH HỢP

Họ và tên giáo viên:.....

Tên bài giảng:.....

Thời gian: Bắt đầuKết thúc.....

Họ và tên GV dự giờ:.....Bộ môn.....

TT	Nội dung đánh giá	Điểm chuẩn	Điểm đánh giá
I	Chuẩn bị bài giảng	3.0	
1	Chuẩn bị được hồ sơ bài giảng đủ và đúng theo quy định.	0.5	
2	Xác định đúng và đủ mục tiêu của bài giảng.	1.0	
3	Giáo án thể hiện đầy đủ các bước, có dự kiến các hoạt động của người dạy, người học và phân bố thời gian cho các nội dung phù hợp.	1.0	
4	Chuẩn bị đầy đủ thiết bị, dụng cụ, vật tư, nguyên, nhiên vật liệu tiêu hao, đồ dùng dạy học phù hợp với nội dung bài giảng.	0.5	
II	Năng lực sư phạm	8.0	
1	Trang phục phù hợp; Phong thái tự tin; diễn đạt rõ ràng, dễ hiểu.	1.0	
2	Bao quát được lớp học.	0.5	
3	Đặt vấn đề, chuyên tiếp vấn đề phù hợp, sinh động, nêu được mục tiêu của bài giảng.	0.5	
4	Sử dụng phương tiện dạy học phù hợp với phương pháp dạy học giúp người học tiếp thu được bài.	1.0	
5	Kết hợp phù hợp giữa dạy kiến thức và kỹ năng để thực hiện mục tiêu của bài giảng	2.0	
6	Xử lý tốt các tình huống sư phạm	0.5	
7	Phát huy được tính tích cực, chủ động của người học	0.5	
8	Thực hiện đúng, đủ các bước lên lớp theo giáo án	0.5	
9	Tổ chức luyện tập hợp lý, đảm bảo hình thành kỹ năng, thái độ cho người học	1.5	
III	Năng lực chuyên môn	6.0	
1	Lựa chọn được khối lượng kiến thức, kỹ năng phù hợp với mục tiêu của bài giảng và đối tượng người học	1.0	
2	Nội dung kiến thức chuyên môn chính xác, có cập nhật, bổ sung kiến thức mới, thực tiễn nghề nghiệp	1.0	
3	Trình tự các bước thực hành đảm bảo tính lôgic, khoa học, sát thực tiễn nghề nghiệp	1.0	
4	Lựa chọn đúng thao tác cần làm mẫu	1.5	
5	Phân tích được các sai hỏng thường gặp, biện pháp xử lý và phòng tránh	0.5	
6	Đảm bảo an toàn cho người và thiết bị. (nếu đề xảy ra mất an toàn, tai nạn cho người, làm hư hỏng thiết bị thì: Không đánh giá xếp loại bài giảng).	0.5	
7	Thực hiện tốt vệ sinh lao động	0.5	
IV	Đánh giá kết quả của người học	2.0	
1	Xây dựng được tiêu chí đánh giá kết quả đạt được của người học rõ ràng, đầy đủ.	0.5	
2	Chuẩn bị được phương tiện, công cụ đánh giá (phiếu giao bài tập, phiếu đánh giá, bảng biểu...) phù hợp.	0.5	
3	Lựa chọn được phương pháp đánh giá phù hợp, tin cậy.	0.5	
4	Thông báo rõ ràng và chính xác kết quả đánh giá cho người học.	0.5	
V	Thời gian	1.0	
1	Đúng giờ hoặc sớm, muộn không quá 1 phút	1.0	
2	Sớm, muộn >1 phút đến ≤ 3 phút	0.5	
3	Sớm, muộn từ >3 phút đến ≤ 5 phút	0.0	
4	Sớm, muộn > 5 phút không đánh giá bài giảng		
	Tổng số điểm	20	
	Tổng số điểm đánh giá (Bằng chữ):		

Ngày tháng năm 2020
GIÁO VIÊN DỰ GIỜ

THEO DÕI THỰC HIỆN BÀI GIẢNG

NỘI DUNG	NHẬN XÉT

NHẬN XÉT CHUNG:

.....

.....

.....

.....

.....

XẾP LOẠI:

Xếp loại giỏi: Điểm bài thi đạt từ 16 đến dưới 18 điểm.

Xếp loại xuất sắc: Điểm bài thi đạt ≥ 18 điểm.